

Bản án số: 128/2017/HSST

Ngày: 25-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyễn Phin

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Văn Mốt;
2. Bà Chu Thị Hồng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Tuệ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 109/2017/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Trần Thị H**, sinh ngày 02/6/1991. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm S, xã S1, huyện Đ2, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Cao Lan; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn C (sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị H4 (sinh năm 1965); chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 14/7/2017 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn có mặt.

2. **Trần Văn H2**, sinh ngày 27/3/1993. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm S, xã S1, huyện Đ2, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Cao Lan; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn C (sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị H4 (sinh năm 1965); Vợ: Vàng Thị L3; sinh năm 1997, con: có hai con: Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 08/7/2017 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. **Nông Văn L**, sinh ngày 23/4/1991. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã T4, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nông Văn V (sinh năm 1966) và bà Nông Thị T4 (sinh năm 1968); có vợ là Lãng Bích Đ1 (sinh năm 1992); con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày

11/8/2017 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn . Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H:* Bà Triệu Thị Kim L1 – Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H2:* Bà Lương Thị Kim M – Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn L:* Ông Lê Viết Đ – Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Xuân H3, sinh năm 1977. Nơi công tác: Đồn Biên phòng T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm T2, xã Q, thành phố T3, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2, Nông Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành phạm tội như sau:

Hồi 00 giờ 05 phút ngày 08/7/2017, tại đường mòn Đ3, thuộc thôn N4, xã Th, huyện V, tỉnh Lạng Sơn tổ Công tác Đồn biên phòng Th đang làm nhiệm vụ thì phát hiện Trần Văn H2 đang có hành vi vận chuyển tiền Việt Nam giả từ Trung Quốc vào Việt Nam. Qua kiểm tra bên trong gói ni lon màu đen do Trần Văn H2 cầm có 06 cọc tiền Việt Nam dạng Polime loại mệnh giá 200.000đ/tờ, có nhiều số seri trùng nhau. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ số tiền Việt Nam nghi là giả trên.

Tại bản kết luận giám định số 184/GĐ-PC54 ngày 09/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ 6 cọc tiền = 550 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam loại Polyme loại mệnh giá 200.000đ/tờ = 110.000.000đ thu giữ của Trần Văn H2 qua giám định đều là tiền giả.

Mở rộng điều tra, ngày 14/7/2017 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn ra lệnh bắt, khám xét khẩn cấp đối với Trần Thị H và ngày 11/8/2017 ra Lệnh bắt khẩn cấp đối với Nông Văn L.

Quá trình điều tra làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Ngày 08/6/2017, Trong lúc Trần Thị H ngồi uống nước tại ngã ba P, đường rẽ đi vào cửa khẩu Th để đợi đón xe khách về Thái Nguyên thì gặp Nông Văn L (Nông Văn L nói tên là Tr); qua nói chuyện, Trần Thị H và Nông Văn L cho nhau tài khoản zalo, sau đó Nông Văn L và Trần Thị H thỉnh thoảng có nhắn tin hỏi thăm nhau và có cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Ngày 22/6/2017, Trần Thị H nhắn tin zalo hỏi Nông Văn L về tiền giả, Nông Văn L chưa tìm được người bán nhưng nói dối rằng có bạn bên Trung Quốc có nguồn tiền giả bán với giá 10.000.000đ tiền thật mua được 40.000.000đ tiền giả. Chiều ngày 22/6/2017, Nông Văn L đi chơi ở khu vực cửa khẩu Th thì gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi; người này nói có tiền giả bán và bảo

Nông Văn L muốn mua thì sẽ đi sang Trung Quốc lấy về bán cho với tỷ giá 23% (tức 23.000.000đ tiền thật mua được 100.000.000đ tiền giả), đồng thời dặn Nông Văn L mua 100.000.000đ tiền giả trở lên mới bỏ công đem từ Trung Quốc về. Ngoài ra còn phải trả 1.000.000đ tiền công cho ông ta. Sau khi trao đổi xong, Nông Văn L hỏi tên và số điện thoại để tiện liên lạc nhưng người đàn ông này không cho số điện thoại mà chỉ nói tên là A và dặn Nông Văn L có gì thì cứ đến khu vực cổng chợ Th sẽ gặp.

Sáng ngày 23/6/2017, Nông Văn L điện thoại thông báo cho Trần Thị H biết đã tìm được người có tiền giả bán với tỷ giá 23% và bảo Trần Thị H nên mua 100.000.000đ tiền giả. Nông Văn L bảo Trần Thị H phải trả 2.000.000đ tiền công, trong đó 1.000.000đ là của Nông Văn L còn 1.000.000đ là của người đem tiền giả từ Trung Quốc sang. Trần Thị H cho biết khi nào có tiền thật sẽ lên Lạng Sơn để mua tiền giả.

Tối ngày 06/7/2017, Nông Văn L nhắn tin cho Trần Thị H hỏi bao giờ lên Lạng Sơn mua tiền giả; do thấy Nông Văn L hỏi nhiều nên Trần Thị H nảy sinh ý định mang chiếc xe máy hiệu AIR BLADE màu đỏ đen, biển kiểm soát 20C1 – 113.53 đi cầm cố, đồng thời thông báo cho Nông Văn L biết chiều ngày 07/7/2017 sẽ lên Lạng Sơn để mua tiền giả.

Khoảng 13 giờ ngày 06/7/2017, Trần Thị H điện thoại Trần Văn H2 (Là em ruột của Trần Thị H) đến phòng trọ của Trần Thị H tại tổ dân phố T5, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây Trần Thị H bảo Trần Văn H2 cùng mình đi cầm cố chiếc xe máy được 23.000.000đ rồi cả hai đón taxi lên thành phố Thái Nguyên. Do còn phải trả tiền taxi không đủ 23.000.000đ tiền thật tiền để mua 100.000.000đ tiền giả, Trần Thị H gọi điện lại cho Nông Văn L hỏi dùng 18.000.000đ tiền thật để mua tiền giả thì Nông Văn L cho biết cũng được nhưng số lượng tiền ít sẽ không đủ 100.000.000đ. Sau đó Trần Thị H và Trần Văn H2 thuê taxi lên Lạng Sơn. Trước khi đi Trần Thị H chỉ nói với Trần Văn H2 là “đi cùng chị lên Lạng Sơn lấy hàng”, nhưng không nói hàng gì.

Khoảng 18 giờ cùng ngày Nông Văn L gọi điện thoại cho Trần Thị H thì được biết Trần Thị H đã đến thành phố Lạng Sơn. Nông Văn L đi từ nhà vào cửa khẩu Th gặp A và cho A biết khách mua tiền giả đã đến thành phố Lạng Sơn. Nông Văn L bảo A đi lấy tiền giả về cho. Lúc này A dặn Nông Văn L bảo khách mua tiền giả đến thì đến đoạn đường bê tông chân Đ3 đợi lấy tiền giả. Khoảng 19 giờ, Trần Thị H và Trần Văn H2 đến cửa khẩu Th, tỉnh Lạng Sơn. Đến cổng kiểm soát Trần Thị H xuống xe và điện thoại hỏi Nông Văn L đã lấy tiền sang chưa; Nông Văn L bảo đợi. Lúc này Trần Văn H2 hỏi Trần Thị H “lấy tiền gì” thì được Trần Thị H cho biết “lấy tiền giả”, sau đó bảo Trần Văn H2 ngồi đợi còn Trần Thị H đi vào khu vực cửa khẩu Th. Khoảng 30 phút sau, Trần Thị H gọi Trần Văn H2 và người lái xe taxi đi vào ăn cơm ở cổng chợ Th. Khoảng 20 giờ, Trần Thị H gọi điện cho Nông Văn L biết đang ở quán cơm và hẹn Nông Văn L đến. Tại đây Trần Thị H hỏi Nông Văn L cho xem tiền giả mẫu, Nông Văn L bảo Trần Thị H đi cùng để xem nhưng Trần Thị H sợ không dám đi mà bảo Trần Văn H2 đi cùng. Nông Văn L đến gặp A lấy một tờ tiền giả

mẫu loại 200.000đ mang về cho Trần Thị H xem, sau khi xem xong Trần Thị H chê tiền giả mờ, không giống tiền thật nên bảo không lấy nữa nhưng Nông Văn L nói “Đã bảo người Trung Quốc mang tiền giả sang”. Nghe Nông Văn L nói vậy nên Trần Thị H bảo chỉ dùng 10.000.000đ tiền thật để mua tiền giả.

Trần Thị H đưa cho Trần Văn H2 11.500.000đ tiền thật và bảo Trần Văn H2 đi cùng Nông Văn L để mua tiền giả. Nông Văn L bảo Trần Văn H2 đi ra ngoài quán nước ngồi đợi, còn Nông Văn L đi gặp A. A cho biết phải đợi đến 24 giờ và bảo Nông Văn L đến thời gian đó cứ đưa khách đến địa điểm lấy tiền giả mẫu trước đó. Nông Văn L quay lại nói cho Trần Văn H2 và Trần Thị H biết phải đợi. Do đã muộn, lúc này người lái xe taxi giục về nên Trần Thị H đã bảo Trần Văn H2 ở lại để đi cùng Nông Văn L mua tiền giả. Trần Thị H dặn Trần Văn H2 chỉ dùng 10.000.000đ tiền thật để mua tiền giả, 1.000.000đ trả công cho Nông Văn L và 500.000đ để Trần Văn H2 thuê nhà nghỉ và hôm sau đón xe khách về Thái Nguyên. Sau đó Trần Thị H đi taxi về Thái Nguyên trước. Khoảng 23 giờ 45 phút, Nông Văn L đưa Trần Văn H2 đến đường mòn chân Đ3 gặp A. Nông Văn L cho A biết khách mua tiền giả chỉ có 10.000.000đ tiền thật. Nông Văn L nhận 10.000.000đ tiền thật từ Trần Văn H2 rồi đưa lại cho A đồng thời nhận với A một túi nilon màu đen bên trong có tiền giả nhưng không được A nói cho biết số lượng cụ thể và đưa cho Trần Văn H2. Trần Văn H2 kiểm tra thấy có tiền giả loại mệnh giá 200.000đ nhưng không kiểm đếm số lượng cụ thể. Cả hai đi về phía chợ Th, Nông Văn L đi trước cách Trần Văn H2 khoảng 05m. Khi đi đến đường mòn Đ3 thuộc thôn N4, xã Th, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cách địa điểm nhận tiền khoảng 20 mét thì bị tổ Công tác Đoàn biên phòng Th kiểm tra, Nông Văn L bỏ chạy còn Trần Văn H2 bị bắt quả tang cùng toàn bộ số tiền giả có tổng số 550 tờ loại mệnh giá 200.000đ/tờ = 110.000.000đ tiền Việt Nam giả.

Ban đầu khi bị Cơ quan điều tra triệu tập, bị cáo Nông Văn L khai; khi được Trần Thị H hỏi mua tiền giả thì đã cho anh Nguyễn Xuân H3 là cán bộ phòng chống ma túy và tội phạm Đoàn Biên phòng Th biết và được anh Nguyễn Xuân H3 hướng dẫn để Trần Thị H lên Lạng Sơn mua tiền giả và tổ chức bắt giữ. Tuy nhiên sau khi bị khởi tố và tạm giam thì Nông Văn L đã phủ nhận lời khai và cho rằng do sợ bị bắt giam nên khai về anh Nguyễn Xuân H3. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành làm việc với anh Nguyễn Xuân H3, anh Nguyễn Xuân H3 khẳng định có quen biết Nông Văn L nhưng không được Nông Văn L nói cho biết việc Trần Thị H có nhu cầu mua tiền giả; không được liên lạc, hướng dẫn, chỉ đạo Nông Văn L mua bán tiền giả với Trần Thị H và Trần Văn H2.

Với nội dung nêu trên; tại bản Cáo trạng số 114/VKS-P3 ngày 13/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2 và Nông Văn L về tội "Vận chuyển tiền giả" theo khoản 3 Điều 180 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị H khai nhận: Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên đã nảy sinh ý định đi mua tiền giả mang về mua mỹ phẩm. Sau khi gặp Nông Văn L và xem tiền giả mẫu thấy tiền giả in xấu sợ mang về không tiêu

thụ được nên Trần Thị H chỉ đồng ý mua 10.000.000đ tiền thật để mua tiền giả. Nông Văn L nói rõ 10.000.000đ chỉ mua được khoảng 40.000.000đ đến 50.000.000đ tiền giả. Sau khi Trần Văn H2 bị bắt, Trần Thị H xem trên mạng mới biết Trần Văn H2 đã lấy được 110.000.000đ tiền Việt Nam giả. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trần Văn H2 khai nhận: Trước khi lên Lạng Sơn Trần Thị H chỉ nói với Trần Văn H2 là đi lấy hàng, còn hàng gì Trần Văn H2 không biết, khi đến Th Trần Văn H2 thấy Trần Thị H gọi điện thoại cho bạn (tức Nông Văn L) và nói lấy tiền, Trần Văn H2 hỏi “ tiền gì” lúc này Trần Thị H mới nói là “tiền giả”. Trần Văn H2 đòi về, nhưng do đêm tối để Trần Thị H ở lại không yên tâm nên khi Trần Thị H đưa cho Trần Văn H2 10.000.000đ để mua tiền giả, do cả nể chị gái nên Trần Văn H2 đã làm theo còn Trần Thị H về trước. Trần Văn H2 cho rằng mua 10.000.000đ tiền thật chỉ được khoảng 40.000.000đ tiền giả, nhưng do trời tối nên không kiểm tra, đến khi bị bắt mới biết bên trong túi có 110.000.000đ. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo Nông Văn L tại tòa ban đầu khai nhận: Việc thỏa thuận giao dịch giữa bị cáo với Trần Thị H, Trần Văn H2 và A là do bị cáo hám lời nên đã móc nối với A để bán tiền giả cho Trần Thị H nhằm hưởng lợi 1.000.000đ. Sau đó bị cáo lại cho rằng do trước đó bị cáo có quen biết anh Nguyễn Xuân H3 (nhưng không biết anh Nguyễn Xuân H3 là Bộ đội Biên phòng); anh Nguyễn Xuân H3 có đặt vấn đề với Nông Văn L nếu có khách thì giới thiệu lấy hàng với A vì A có nhiều mặt hàng bán, sau khi Trần Văn H2 bị bắt được mấy hôm Nông Văn L được anh Nguyễn Xuân H3 cho 2.000.000đ. Tuy nhiên Nông Văn L cho rằng số tiền này do quen biết nên anh Nguyễn Xuân H3 cho Nông Văn L chứ không liên quan đến việc mua bán tiền giả. Bị cáo cho rằng mình chỉ người môi giới trong việc mua bán tiền giả mặt khác khi gặp A bị cáo cũng nói rõ khách mua tiền giả chỉ mua 10.000.000đ tiền thật, nhưng A không nói cho bị cáo biết số lượng tiền giả trong túi nilon là bao nhiêu, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn sau khi tranh luận đã rút một phần truy tố đối với các bị cáo cáo Nông Văn L, Trần Văn H2, Trần Thị H từ khoản 3 Điều 180 BLHS xuống khoản 2 Điều 180 BLHS, với lý do về ý thức chủ quan của các bị cáo chỉ có ý định dùng 10.000.000đ tiền thật để mua tiền giả theo tỷ lệ 23% thì sẽ được khoảng 43.000.000đ tiền giả. Mặt khác Nông Văn L cũng nói rõ cho A biết khách chỉ mua 10.000.000đ tiền thật. Như vậy Số tiền 110.000.000đ khi bị bắt quả tang là ngoài ý muốn của các bị cáo; Sau khi đánh giá tính chất mức độ vai trò hành vi phạm tội của các bị cáo và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2 và Nông Văn L phạm tội Vận chuyển tiền giả;

Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H2 từ 05 đến 06 năm tù

2. Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn L từ 05 đến 06 năm tù.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33; Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 05 đến 06 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Thị H và Trần Văn H2 đề nghị xem xét cho các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, lần đầu phạm tội, chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra để làm sáng tỏ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt nhẹ hơn mức án mà vị Đại diện Viện kiểm sát đề nghị để các bị cáo sớm trở về với gia đình, lao động có ích cho xã hội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nông Văn L đưa ra quan điểm sau khi bị bắt bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo trước đó đã giúp cơ quan chức năng phát hiện và điều tra tội phạm, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, nhất thời phạm tội. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo có cơ hội sớm trở về với cuộc sống cộng đồng, làm người công dân tốt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và luật sư,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với kết luận giám định số 184/GĐ-PC54 ngày 09/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, ngoài ra còn phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ để xác định khoảng 19 giờ ngày 07/7/2017 các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2, Nông Văn L đã thống nhất sử dụng 10.000.000 đồng tiền thật để sang Trung Quốc mua tiền giả với A. Vào hồi 00 giờ 05 phút ngày 08/07/2017, Trần Văn H2 và Nông Văn L đang thực hiện hành vi vận chuyển tiền giả từ Trung Quốc vào Việt Nam thì bị bắt quả tang tại đường mòn Đ3 thuộc thôn N4, xã Th, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn

truy tố đối với các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2, Nông Văn L về tội “Vận chuyển tiền giả” là có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát qua tranh luận thấy chưa đủ căn cứ quy kết các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 180 BLHS nên đã rút một phần truy tố đối với các bị cáo từ khoản 3 xuống khoản 2 Điều 180 BLHS là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ quản lý về tiền tệ của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức được việc vận chuyển tiền giả là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lờ nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều đó thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Bởi vậy đối với các bị cáo cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để nhằm mục đích răn đe, giáo dục và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đây là vụ án có đồng phạm với tính chất giản đơn, để có mức án thỏa đáng đối với các bị cáo Hội đồng xét xử đánh giá vai trò, tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

1. Bị cáo Trần Thị H là người chủ động tìm mua tiền giả và bỏ ra toàn bộ chi phí phục vụ cho việc mua bán tiền giả. Tuy nhiên sau khi xem tiền giả mẫu, bị cáo Trần Thị H đã chê "tiền giả mờ quá không lấy nữa" nhưng sau khi nghe bị cáo Nông Văn L tác động "nếu không lấy lần sau giao dịch với người Trung Quốc sẽ khó khăn" nên bị cáo lại đồng ý dùng 10.000.000đ tiền thật để mua tiền giả. Như vậy, ý thức chủ quan của bị cáo nghĩ rằng dùng 10.000.000đ tiền thật chỉ mua được khoảng 43.000.000đ tiền giả. Đến khi Trần Văn H2 bị bắt, bị cáo Trần Thị H mới biết số tiền giả là 110.000.000đ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã rút một phần truy tố đối với bị cáo Trần Thị H từ khoản 3 xuống khoản 2 Điều 180 BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Bị cáo Trần Văn H2 khi được Trần Thị H rủ đi Lạng Sơn lấy hàng mặc dù không biết hàng gì vẫn đi, do đêm tối lo sợ Trần Thị H đi một mình không an toàn. Sau khi đến Th được Trần Thị H nói cho biết “Lấy tiền giả” lẽ ra Trần Văn H2 phải ngăn cản để Trần Thị H không đi vào con đường phạm tội, nhưng do cả nể vì Trần Thị H là chị gái ruột nên Trần Văn H2 đã giúp sức cho bị cáo Trần Thị H, bị cáo đã tiếp nhận ý chí của Trần Thị H cùng Nông Văn L đi mua tiền giả với đối tượng A. Tuy nhiên khi nhận tiền giả từ A bị cáo không được A hoặc Nông Văn L cho biết số lượng tiền giả có sẵn trong túi, mặt khác trong đêm tối bị cáo lo sợ và không có cơ hội kiểm đếm số tiền giả. Khi bị bắt bị cáo mới biết số tiền giả trong túi nilon nhiều hơn so với tiền giả mà bị cáo đặt mua. Xét về ý thức chủ quan, nguyên nhân và điều kiện hoàn cảnh dẫn đến phạm tội thấy rằng bị cáo Trần Văn H2 là người bị rủ rê lôi kéo tham gia với vai trò thứ yếu. Viện kiểm sát rút một phần truy tố là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết tăng nặng định khung các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2 Không có tình tiết tăng nặng đặc biệt khác quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS .

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Ngoài ra trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2 đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra làm sáng tỏ vụ án. Bị cáo là người dân tộc Cao Lan, sống ở cùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

3. Bị cáo Nông Văn L là người giữ vai trò trung gian trong việc mua bán tiền giả giữa các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2 và đối tượng người Trung Quốc đều do bị cáo Nông Văn L sắp xếp. Xét về diễn biến vụ án thấy rằng, bị cáo Nông Văn L là người có vai trò tích cực trong vụ án. Bị cáo thường xuyên hối thúc bị cáo Trần Thị H nhanh chóng lên Lạng Sơn mua tiền giả. Sau khi xem tiền giả mẫu bị cáo Trần Thị H nói “tiền xấu không lấy nữa”, nhưng Nông Văn L vẫn hối thúc Trần Thị H cần mua tiền giả. Quá trình điều tra, bị cáo thay đổi lời khai, có lúc khai do anh Nguyễn Xuân H3, cán bộ Đoàn Biên phòng sắp đặt và chỉ đạo, sau đó lại thay đổi lời khai cho rằng mình tự thực hiện việc mua bán tiền giả không liên quan đến anh Nguyễn Xuân H3. Lời khai của bị cáo đã gây sự hoài nghi trong lực lượng chức năng phòng chống tội phạm, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân vào lực lượng Biên phòng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục và làm gương đối với các đối tượng khác ở ngoài xã hội đang có ý định thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, xét thấy bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự nhất thời phạm tội vì động cơ vụ lợi. Đồng thời trước đó bị cáo đã phát hiện, cung cấp nhiều thông tin giúp Bộ đội Biên phòng Lạng Sơn phát hiện và điều tra triệt phá nhiều vụ án về ma túy và tiền giả trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, được Bộ đội Biên phòng ghi nhận và có công văn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử coi đây là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt đối với bị cáo, do vậy đó có căn cứ áp dụng thêm điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, vì vậy có căn cứ áp dụng Điều 47 BLHS xử bị cáo mức án dưới khung quy định, để bị cáo thấy được tính chất nhân đạo và khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự có quy định hình phạt bổ sung đối với tội này là phạt tiền. Tuy nhiên qua kết quả xác minh về tài sản thấy các bị cáo không có tài sản để đảm bảo thi hành án, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền giả đã được giám định và tài sản, dụng cụ khác không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Vật chứng được các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, còn giá trị sử dụng cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước. Tịch thu sung công quỹ số tiền 1.000.000đ thu giữ của Trần Văn H2 là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội. Đối với những tài sản, giấy tờ tùy thân của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với A là người có nguồn tiền giả bán: Bị cáo Nông Văn L không biết họ, địa chỉ cụ thể, không có số điện thoại; quá trình liên lạc trao đổi mua bán tiền giả chỉ có bị cáo Nông Văn L và A tự trao đổi, không có ai tham gia cùng. Do đó không có thông tin đầy đủ nên cơ quan điều tra không có điều kiện xác minh làm rõ.

- Đối với anh Nguyễn Xuân H3 là cán bộ phòng chống ma túy và tội phạm Đồn Biên phòng Th. Kết quả điều tra và thẩm vấn tại phiên tòa Nông Văn L xác định anh Nguyễn Xuân H3 không liên quan đến việc mua bán tiền giả giữa bị cáo với A và giữa bị cáo với Trần Thị H. Do vậy Hội đồng xét xử xác định anh Nguyễn Xuân H3 không có liên quan trong vụ án.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần lời bào chữa của các Luật sư về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã đánh giá và viện dẫn ở phần trên.

Các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2 và Nông Văn L được quyền kháng cáo bản án và phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2 và Nông Văn L phạm tội “Vận chuyển tiền giả”.

II. Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, 47 Điều 33, Điều 53, Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 48 (Bốn mươi tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2017.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, 47, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H2 42 (Bốn mươi hai) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2017.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 47 Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo Nông Văn L 42 (Bốn mươi hai) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/8/2017.

III. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung vì các bị cáo không có tài sản riêng.

IV. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Cụ thể:

- *Tịch thu tiêu hủy:*

1. Một hộp niêm phong màu trắng dán kín, kích thước dài 17,5 cm; rộng 9,5 cm; cao 07 cm. Tại các mép dán có chữ ký cùng tên của Trần Văn H2, Dương Văn B1, Lã Chí C3, Vũ Bá T6, Nguyễn Xuân Đ5, Nông Quang P1, Lâm Bảo N4, Hoàng Văn D và 05 dấu đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn + 03 dấu đỏ của Đoàn biên phòng Th (bên trong có 545 tờ tiền Việt Nam giả loại mệnh giá 200.000đ/tờ).

2. Một túi nilon màu đen.

- *Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:* Một phong bì niêm phong được dán kín của cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn. Mặt trước phong bì có chữ Công an tỉnh Lạng Sơn, phòng Kỹ thuật hình sự, có mảnh giấy in dán trên phong bì ghi: niêm phong tiền Việt Nam thật. Tang vật niêm phong: 02 (hai) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) gồm các seri: KR 15725539 và LK 16562748, thu giữ của Trần Văn H2 có hành vi vận chuyển tiền giả. Xảy ra ngày 08/7/2017 tại thôn N4, xã Th, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Kèm theo bản kết luận giám định số: 195/GĐ-PC54 ngày 26/7/2017 và 01 (một) hình dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

- *Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước:*

1. Một điện thoại Samsung màu hồng cũ, đã qua sử dụng. Số IMEI 1: 356431080623603/01; IMEI 2: 356432080623601/01 (kiểm tra bằng cách bấm *#06#), trong máy không có sim.

2. Một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31T, màu trắng cũ, đã qua sử dụng, màn hình phía trước có nhiều vết nứt, số IMEI: 868124022911928. Bên trong có 01 sim mạng Viettel.

- *Trả lại cho bị cáo Trần Văn H2:* Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu trắng đen, model 1110i, Type: RH-93, số IMEI: 353791/03/420439/3 (trên thân máy, dưới nắp pin), máy cũ đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim mạng Viettel.

- *Trả lại cho bị cáo Nông Văn L:* Một thẻ điều trị METHADONE, số thẻ 0250020081 mang tên Nông Văn L, sinh ngày 23/4/1991 do Trung tâm y tế huyện V cấp ngày 11/4/2016.

(Các vật chứng trên ghi theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/11/2017 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

V. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn H2 và Nông Văn L mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/12/2017)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp;
- PC81B, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người bào chữa;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ; Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Nguyễn Phin